

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/01/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú	
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng		
1		GTCl+BK9+CTK3	7:25	8+0+14	0+0+0			5+0+16	0+0+0	TRANS 1 PAX BK9-CTK3
2		TD5+CTK3+P8	7:25	4+17+1	0+0+0			0+20+2	0+0+0	
3		PPD+P4+AMD	7:25	8+0+14	0+0+0			6+1+15	0+0+0	
4		BK4+BK16+RP2	9:25	6+7+9	0+0+0			0+5+12	0+0+0	<i>(Handwritten: RP3-P2)</i> TRANS 3 PAX
5		JS2+RP3+P2	9:25	22+0+0	0+0+0			5+4+0	0+0+0	RP3-P2
6		PPD+GTCl	9:25	22+0	0+0			17+4	0+0	
7		T.JUNG	11:25	16	0			17	0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/4 NGUOI XNKI ĐI GTCl VỀ TRONG NGÀY



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/01/2018	TO: GTC1 - BK9 - CTK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hôi - Linh - Năm - Vũ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MIRSAYAPOV R.R.	GTC1	86	1	4	80	104	KH-THAC	Russian
2	KUZMENKO T.V.	GTC1					82	KH-THAC	Russian
3	VU MINH PHUONG	GTC1					71	KH-THAC	Vietnamese
4	FIRSOV	GTC1	85	1	2		96	AN TOAN	Russian
5	NGUYEN NAM THAI	GTC1	83	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN HUU TRUNG	GTC1	82	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐANG TRAN KHANH	GTC1	84	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN QUYET	GTC1	81	1	2		65	PSV	Vietnamese
9	PHẠM ĐẠI PHONG	CTK3	12	1	5	40	68	Y-TE	Vietnamese
10	LE HUY TAM	CTK3	03	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	HO ANH QUOC	CTK3	06	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM THANH HAI	CTK3	11	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC HIEU	CTK3					66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HOANG VIET	CTK3	05	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN QUANG TRUNG	CTK3	02	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	TÔ TRỌNG TUAN	CTK3	01	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI HUU HUAN	CTK3	07	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN DAN	CTK3	13	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN MANH ĐẠO	CTK3	14	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM TIEN PHUONG	CTK3	04	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN HOANG HA	CTK3	08-09	2	6		66	KH-THAC	Vietnamese
22	VU XUAN TRUC	CTK3	10	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	8	6	23	617	80	4		CHUYEN 1 PAX TU BK9 SANG CTK3
2	BK9	0	0	0	0	0	0 + 1		
3	CTK3	14	14	70	966	40	16		
TOTAL		22	20	93	1.583	120	20		
WEIGHT KG				93	1.583	120			

GRAND TOAL: 1.796 KGS

VSP REP.
Mel

VNH REP.
Thuk

CAPTAIN
[Signature]



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08-Jan-18	TO: TD5 - CTK3 - P8	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Nam - CHIẾN - DKHÁNH	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG MÀO	TD5	57	1	17		65	NHA THAU	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH THANH HẢI	TD5	55-56	2	17		60	NHA THAU	Vietnamese
3	PHẠM PHÚ QUỐC	TD5	60-61	2	17	35	76	NHA THAU	Vietnamese
4	MAI HOANG HA	TD5	58-59	2	17		50	NHA THAU	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH HẢI	CTK3	06	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TUNG	CTK3	09	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	SKIRIPILOV	CTK3	04	1	5		80	KH-THAC	Russian
8	LÊ XUÂN ĐẠT	CTK3	01-02	2	17		80	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC BÀU	CTK3	16	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI THANH HOẠT	CTK3	08	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MẠNH KHOÁT	CTK3					76	KH-THAC	Vietnamese
12	NGÔ ĐÌNH THAM	CTK3	05,17	2	10		58	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ ĐỨC HIỆP	CTK3	03	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG MẠN	CTK3	11	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	CTK3	13	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN DUY TUẤN	CTK3	14	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM HỒNG SƠN	CTK3	15	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG THIỆU THÀNH	CTK3	10	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM VĂN ĐIỂM	CTK3	07	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM VĂN HÀ	CTK3	18	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
21	DUONG VAN BINH	CTK3	12	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	LAZAREV A.V	P8	52	1	7	60	90	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	4	7	68	251	35	0		
2	CTK3	17	18	104	1.145	0	20		
3	P8	1	1	7	90	60	2		
TOTAL		22	26	179	1.486	95	22		
WEIGHT KG				179	1.486	95			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/01/2018	TO: PPD - P4 - AMD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: LBinh - MTHAO - HIÊU	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN VAN THANG	PPD	67	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN SON	PPD	64	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC DU	PPD	63	1	2	40	65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THANH BINH	PPD	66	1	9		86	KH-THAC	Vietnamese
5	VÔ MAU MEN	PPD	62	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐANG ĐÌNH TIEN	PPD	61	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	LE NGOC HAI	PPD	65	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese
8	PIATOV	PPD	60	1	7		92	KH-THAC	Russian
9	TRAN DAI NGHIA	AMD	46-47	2	12		66	KH-THAC	Vietnamese
10	HY TAC SANG	AMD	44	1	11		69	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐO ĐỨC THỊNH	AMD	39	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN NAM TRUNG	AMD	34	1	2		68	KH-THAC	Vietnamese
13	CAO THANH TUAN	AMD	35-36	2	15		61	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HOANG	AMD	45	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐÌNH HỮU TINH	AMD	37	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HONG LINH (PVDT)	AMD	33	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
17	LE HONG THAI (PVDT)	AMD	41	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC ĐỨC	AMD	48	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
19	VU XUAN ĐỨC	AMD	42-43	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN THANH TAM	AMD	32	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
21	LE ĐỨC TAM	AMD	38	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
22	HUYNH LE BAO THANH	AMD	40	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	8	8	48	609	40	6		
2	P4	0	0	0	0	0	1		
3	AMD	14	17	95	957	0	15		
TOTAL		22	25	143	1.566	40	22		
WEIGHT KG				143	1.566	40			

GRAND TOAL: 1.749 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/01/2018	TO: BK16 - RP2	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Hồi - Linh - Năm - Vũ	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGỌC HÀ	BK16	32	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN LIÊU	BK16	55	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH TUẤN	BK16	57	1	10	60	70	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẠO ĐỨC THĂNG	BK16	59	1	7	10	70	KH-THAC	Vietnamese
5	LUƠNG ANH VŨ	BK16	56	1	10		62	CODIEN	Vietnamese
6	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	BK16	25	1	8		70	CODIEN	Vietnamese
7	ĐỖ XUÂN HẠNH	BK16	33	1	3		70	PSV	Vietnamese
8	TRAN VAN TOAN	RP2	80	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM VĂN ĐÌNH	RP2	79	1	15		75	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM VIỆT HỮU	RP2	78	1	9		55	XAYLAP	Vietnamese
11	LUU MANH TIEN	RP2	72	1	7		62	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN SY MY	RP2	75-76	2	10	10	60	XAYLAP	Vietnamese
13	HOANG VAN THUYET	RP2	77	1	7		62	XAYLAP	Vietnamese
14	LE VAN NIN	RP2	81-82	2	10		75	XAYLAP	Vietnamese
15	VO VAN SON	RP2	71	1	17		55	XAYLAP	Vietnamese
16	LUU ĐỨC THỊNH	RP2	73-74	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	7	7	53	492	70	5		
2	RP2	9	12	102	584	10	12		
TOTAL		16	19	155	1.076	80	17		
WEIGHT KG				155	1.076	80			

GRAND TOAL: 1.311 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/01/2018	TO: PPD - GTC1	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: LBinh - MTHAO - HIẾU	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TUẤN ANH	PPD	17	1	11		69	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN MINH HAI	PPD	15	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN THANH QUANG	PPD	10	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN MẠNH	PPD	16	1	9		50	KH-THAC	Vietnamese
5	TRƯƠNG TUẤN HÙNG	PPD	19-20	2	5		68	KH-THAC	Vietnamese
6	LE VĂN BA	PPD	21	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN PHONG	PPD	14	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN VĂN ĐƯƠNG	PPD	11-12	2	12		55	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐƯƠNG TUNG HUYNH	PPD	13	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN HẢI	PPD	18	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG CHUÔNG	PPD	29	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ANH SƠN	PPD	27	1	10		69	KHI	Vietnamese
13	LUƠNG MẠNH ĐƯƠNG	PPD	28	1	6		53	KHI	Vietnamese
14	VŨ NGỌC TUẤN	PPD	25	1	5	97	80	KHI	Vietnamese
15	LE THANH TRUNG	PPD	24	1	6		65	KHI	Vietnamese
16	BUI ĐĂNG TIẾN	PPD	26	1	15		67	KHI	Vietnamese
17	LUƠNG THÈ HIÊN	PPD	30	1	5		65	NIFI	Vietnamese
18	PHUNG ANH TUẤN	PPD	35	1	5		70	LILAMA	Vietnamese
19	LE CÔNG BÌNH	PPD	23	1	7		56	LILAMA	Vietnamese
20	PHAM HONG PHONG	PPD	09	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU HUY	PPD	22	1	5		75	LILAMA	Vietnamese
22	TRƯƠNG THÈ DUNG	GTC1	72	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	21	23	141	1.407	97	17		
2	GTC1	1	1	6	75	0	5		
TOTAL		22	24	147	1.482	97	22		
WEIGHT KG				147	1.482	97			

GRAND TOAL: 1.786 KGS - 60kgs

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/01/2018	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 610	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Dũng - CÔNG	ETA: 14:40
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ĐỨC BÌNH	BK THIE					60	PVD	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC HIÊU	BK THIE	87	1	5		70	PVD	Vietnamese
3	VAN MINH TAN	BK THIE	84	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM QUANG QUY	BK THIE					60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRUNG KIEN	BK THIE	91	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	LE TRAN SON	BK THIE	93	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN XUAN THUY	BK THIE	86	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	LE NGOC TOAN	BK THIE	85	1	7	110	74	KH-THAC	Vietnamese
9	VO CHIEN THANG	BK THIE	96	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
10	GIANG TRUNG HIEU	BK THIE	97-98	2	12		95	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN QUYET TIEN	BK THIE	89-90	2	9		65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN VAN HOA	BK THIE	99,400	2	18		66	PSV	Vietnamese
13	HÔ VAN TINH	BK THIE	95	1	5		58	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN TIEN CHUONG	BK THIE	94	1	3		63	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN TRUONG	BK THIE	92	1	5		67	PSV	Vietnamese
16	LUONG CONG DAT	BK THIE	499	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	16	17	96	1.060	110	16		
	TOTAL	16	17	96	1.060	110	16		
	WEIGHT KG			96	1.060	110			

GRAND TOAL: 1.266 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/01/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi				Về				Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng			
1	427	TD1+CLO+BK10	7:25	9+13+0	0+0+0		4+17+1	0+0+0			
2	427	TD1+PVD2+P9	9:25	9+9+0	0+0+0		10+10+1	0+0+0			
3	424	JS2 <i>(Kuy)</i>	9:25	22	0		5	0	STAND BY		

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
CHUYEN JS2 PHỤ THUỘC VÀO TIẾN ĐỘ CẬP GIÀN VÀO RC4



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/01/2018	TO: TD1 - CLO - BK10	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hòì - TRƯỜNG - DKHÁNH	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN LUAN	TD1	23-24	2	10		71	KHOAN	Vietnamese
2	PHAM HOA VIET	TD1	86-87	2	7		69	YTE	Vietnamese
3	TRINH HOANG KHANH	TD1	22	1	4		81	KHOAN	Vietnamese
4	VU VAN QUY	TD1	83	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN MANH LINH	TD1	21	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
6	TRINH HUY TOAN	TD1	84	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG NGOC SON	TD1	26	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN GIANG	TD1	25	1	2		66	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM THANH KHIET	TD1	85	1	5		59	DVL	Vietnamese
10	SUKHOMLIN I.N	CLO	47	1	6	55	118	KHOAN	Russian
11	TRAN VAN KHANG	CLO	43	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
12	TU QUOC VIET	CLO	48	1	10		64	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN PHU VINH	CLO	42	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG THANH MINH	CLO	51	1	10		59	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN NGOC AN	CLO					78	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG TRUNG THONG	CLO	52	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN THE NHU	CLO	45	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN HOI	CLO	50	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
19	PHAM DUC MINH	CLO	49	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
20	NGHIEM XUAN QUANG	CLO	44	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN HOANG TRUONG	CLO	53	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
22	PHAM VAN DUY	CLO	46	1	7		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	9	11	47	613	0	4		
2	CLO	13	12	68	919	55	17		
3	BK10	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	23	115	1.532	55	22		
WEIGHT KG				115	1.532	55			

GRAND TOAL: 1.702 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/01/2018	TO: TD1 - PVD2 - P9	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hải - TRƯỜNG - DKHÁNH	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN PHONG	TD1	22	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
2	LƯU THIÊN ĐỨC	TD1	21	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
3	HỒ VĂN HẬU	TD1	23	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
4	THAI ĐỨC TOÀN	TD1	24	1	2		56	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG	TD1	27	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN VĂN TỰ	TD1	28	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN MẠNH TÙNG	TD1	26	1	5		53	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TẬP TOÀN	TD1	25	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN NAM	TD1					56	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN BÌNH MINH	PVD2	18	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	LE TIEN DUONG	PVD2	15	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
12	LE VIET THUC	PVD2	19	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN TẤN ĐẠT	PVD2	20	1	8		56	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN THE VINH	PVD2	16	1	5	35	62	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG NGOC QUAN	PVD2	21-22	2	15		76	KHOAN	Vietnamese
16	TRUONG THANH TUAN	PVD2	17	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
17	CHU MINH HAN	PVD2	23-24	2	15		100	KHOAN	Vietnamese
18	LE HUU DUNG	PVD2	28	1	5		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	9	8	35	579	0	11		
2	PVD2	9	11	73	645	35	10		
3	P9	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		18	19	108	1.224	35	22		
WEIGHT KG				108	1.224	35			

GRAND TOAL: 1.367 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/01/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	846	P2+BK6+BK4	7:25	17+5+0	0+0+0	15+4+1	0+0+0	CHUYEN 1 PAX TU P2- BK4CHUYEN 2 PAX BK6-BK4	
2	428	P1	7:25	22	0	22	0		
3	410	TD2+CTK3	7:25	20+2	0+0	20+2	0+0		
4	424	TD1	7:25	22	0	22	0		
5	420	C10+RP2+RP3	7:25	17+5+0	0+0+0	15+0+4	0+0+0	CHUYEN 2 PAX TU C10-RP3	
6	846	P3+P4	9:25	14+8	0+0	12+10	0+0		
7	410	AMD	9:25	22	0	22	0		
8	428	M/RM+RP1	9:25	19+1	0+0	19+2	0+0		
9	424	P1+BK5+TD3	9:25	6+7+9	0+0+0	4+5+13	0+0+0		
10	420	TD1+C10	9:25	10+11	0+0	10+12	0+0		
11	846	P5+P4	11:25	14+8	0+0	13+9	0+0		
12	410	P4+TD1	11:25	16+6	0+0	12+7	0+0		
13	428	TD2+AMD	11:25	15+7	0+0	8+10	0+0		
14	424	P7	11:25	22	0	12	0		
15	420	TTC2+P2	11:25	10+12	0+0	2+17	0+0		

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/01/2018	TO: P2 - BK6 - BK4	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Nam - CHIẾN - THỤ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHOKLOV	P2	58	1	5		90	KH-THAC	Russian
2	HOANG THANH HOA	P2	66	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
3	DUONG DUC HIEU	P2	72	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
4	VU VIET THANH	P2	70-71	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN ĐANG	P2					72	KH-THAC	Vietnamese
6	TRINH BA ĐONG	P2				20	70	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG MINH ĐUC	P2	59	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRUONG TUAN KIET	P2	60	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAC DUC HUY	P2	64	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
10	VU NGOC DUNG	P2	74	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN QUANG HUNG	P2	69	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
12	LUU VAN TU	P2	68	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	VU VAN THO	P2	63	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG DUC LINH	P2	65	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	VU VAN NAM	P2	62	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM NGUYEN HOANG PHUC	P2	61	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN PHU HUU	P2	67	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐAO DUC HUNG	BK6					62	KH-THAC	Vietnamese
19	VU VAN HIEU	BK6	25	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
20	K. LING	BK6	22	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐINH TUNG LAM	BK6	24	1	5	50	65	T-TIN	Vietnamese
22	NGUYEN VAN PHE	BK6	23	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	17	16	80	1.168	20	15	1	CHUYEN 01 PAX TU P2 SANG BK4
2	BK6	5	4	21	327	50	4	2	CHUYEN 02 PAX BK6 SANG BK4
3	BK4	0	0	0	0	30	1		
TOTAL		22	20	101	1.495	100	20		
WEIGHT KG				101	1.495	100			

GRAND TOAL: 1.696 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/01/2018	TO: P1	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: LBinh - TTrung - Năm -	ETA: 09:20
VANG-1		DTùng	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ QUANG BÌNH	P1	41	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM HỮU TINH	P1	44	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ VĂN MẠNH	P1					80	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM MINH TOÀN	P1	36	1	6		58	YTE	Vietnamese
5	TRẦN XUÂN LẠNH	P1	40	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG THỌ	P1					82	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VĂN TỰ	P1	29	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN SĨ DU	P1	49	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH VĂN THẮNG	P1	38	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VĂN THẮNG	P1	32	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUANG PHƯỚC	P1	47-48	2	8		73	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI HUY NGHIỆP	P1					72	KH-THAC	Vietnamese
13	VÌ KHÁC THÀNH	P1	42	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
14	LƯU VĂN TUẤN	P1	33	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ DUY KHÁNH	P1	34	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ QUANG TIẾN	P1	30	1	2		68	KH-THAC	Vietnamese
17	HỒ HỮU CHUNG	P1	37	1	4	20	53	KH-THAC	Vietnamese
18	CAO ĐĂNG PHONG	P1	43	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG ĐỨC TOÀN	P1	39	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN NÔNG	P1	35	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH HẢI	P1	31	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TRỌNG YẾN	P1	46	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	22	20	98	1.482	20	22		
	TOTAL	22	20	98	1.482	20	22		
	WEIGHT KG			98	1.482	20			

GRAND TOAL: 1.600 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10-Jan-18	TO: TD2 - CTK3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HUNG - Hoi - HIEU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUU LONG	TD2	82	1	10	60	60	KHOAN	Vietnamese
2	LE DUC THO	TD2	77	1	2		76	KHOAN	Vietnamese
3	BUI THO DUONG	TD2	85	1	10		66	KHOAN	Vietnamese
4	DOROSHENKO M.K	TD2	91	1	7		95	KHOAN	Russian
5	LE MINH DUC*TT	TD2	84	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG VAN KHAI	TD2	87	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
7	LE TUAN NGHIA	TD2	80	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
8	HA VAN LINH	TD2	90	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN QUANG TIEN	TD2	78	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
10	VU THAP TOAN	TD2					68	KHOAN	Vietnamese
11	LE VAN NAM	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
12	MAI DUC THAN	TD2	81	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
13	ĐINH VAN TAI	TD2	92	1	3		53	KHOAN	Vietnamese
14	LE NGUYEN	TD2	83	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN DUAN	TD2	39	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN CHI DUC	TD2	88-89	2	13		55	KHOAN	Vietnamese
17	ĐOAN VAN KHUU	TD2	86	1	10		61	KHOAN	Vietnamese
18	TA BA HOAN	TD2	79	1	12		61	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN VAN MANH	TD2	96	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN QUY TAN	TD2	37-38	2	7		75	NHA THAU	Vietnamese
21	ĐOAN QUANG CHUNG	CTK3					74	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN HONG THANG	CTK3					68	SANBAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	20	20	122	1.400	60	20		
2	CTK3	2	0	0	142	0	2		
TOTAL		22	20	122	1.542	60	22		
WEIGHT KG				122	1.542	60			

GRAND TOAL: 1.724 KGS

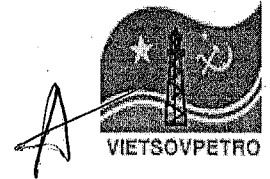
VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/01/2018	TO: TD1	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: MTHĂNG - LHàì - dững - THẢO	ETA: 09:35
NAU-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KLIUZHEV R.V	TD1	29	1	8		113	KHOAN	Russian
2	NGUYEN NGOC PHU	TD1	38	1	4		73	PSV	Vietnamese
3	HA VAN THIEU	TD1	39	1	8		63	PSV	Vietnamese
4	LE TRỌNG LƯỢNG	TD1	32	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN QUY	TD1	47	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM CONG TIEN	TD1	36	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN DANH QUY	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TUAN	TD1	43	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
9	LE VAN HOAN	TD1	30	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG VAN THƯƠNG	TD1	37	1	5	22	67	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG VAN DUY	TD1	33	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
12	HUYNH HUU HUNG	TD1	31	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
13	VU DINH PHONG	TD1	46	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN GIN	TD1	45	1	9		65	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN DUY KHIEM	TD1	35	1	9		74	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG TUAN HAI	TD1	50	1	5	60	68	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM THAI SON	TD1	44	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
18	IACHENKO	TD1	34	1	10		80	ANTOAN	Russian
19	NGUYEN TUAN DUONG	TD1	41	1	10	40	80	DVL	Vietnamese
20	DOBROVOLSKYI OLEG	TD1				22	83	DVL	Russian
21	NGUYEN SY TUAN	TD1	58	1	15		67	DVL	Vietnamese
22	LY NHAT TRUONG	TD1				20	72	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	22	19	129	1.578	164	22		
	TOTAL	22	19	129	1.578	164	22		
	WEIGHT KG			129	1.578	164			

GRAND TOAL: 1.871 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/01/2018	TO: CLO - RP2 - RP3	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - Linh - MQUÂN	ETA: 09:30
TRANG-1A			

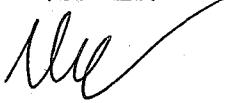
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VOROBIEV S.L	CLO	98	1	6		91	KHOAN	Russian
2	DATSKO P.D	CLO	99	1	12	20	104	KHOAN	Russian
3	TELESHENKO I.A	CLO	300	1	8		119	KHOAN	Russian
4	NGUYEN VAN TUAN	CLO	96	1	3		71	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN ĐỨC THẮNG	CLO	95	1	7		97	PSV	Vietnamese
6	TRẦN TRUNG THÀNH	CLO	800	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
7	TRỊNH DUY THANH	CLO	57	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN SINH	CLO	90	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ NGỌC LUAN	CLO					85	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ VĂN LY	CLO	4300	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	CHU ĐỨC AI	CLO	58	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG THAI ANH	CLO	99	1	3		77	KHOAN	Vietnamese
13	CAO VĂN VIỆT	CLO	89	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ VĂN NGHĨA	CLO	94	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ VĂN QUYNH	CLO	97	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
16	MAKAROV	CLO	799	1	9		94	ANTOAN	Russian
17	NGUYEN BA HUNG	CLO	91	1	7		78	DVL	Vietnamese
18	ZHIGALO V.A	RP2	22	1	10		103	KHOAN	Russian
19	LÊ HỒNG ĐẠI	RP2	25	1	5		72	D-HANH	Vietnamese
20	NGUYEN CẢNH TÂN	RP2	26	1	4	70	70	D-HANH	Vietnamese
21	BESPALOV	RP2	23	1	5		86	D-HANH	Russian
22	CHERNHIADEV	RP2	24	1	7		66	D-HANH	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	17	16	95	1.383	20	15	+2	CHUYEN 02 PAX TU CLO SANG RP3
2	RP2	5	5	31	397	70	2		
3	RP3	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	21	126	1.780	90	21		
WEIGHT KG				126	1.780	90			

GRAND TOAL: 1.996 KGS

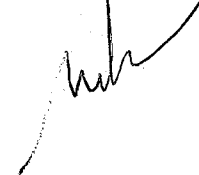
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/01/2018	TO: P3 - P4	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Nam - CHIẾN - THỤ	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN CUU	P3	55	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐO VAN ĐAM	P3	53	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN TRUNG CHINH	P3					72	KH-THAC	Vietnamese
4	DONG VAN THINH	P3	57	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI SY CONG	P3	56	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN QUOC BINH	P3	47	1	5	74	82	KH-THAC	Vietnamese
7	LAI ĐỨC BAY	P3	49	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN ANH TUAN	P3	46	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG BA VINH	P3	45	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	TONG VAN ĐUC	P3	54	1	17		73	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN MINH THANG	P3	50	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
12	TRAN TUAN ANH	P3	51-52	2	17		63	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN VAN LUONG	P3	58	1	5		70	GETRACO	Vietnamese
14	BUI VAN QUOC	P3	62	1	5		60	GETRACO	Vietnamese
15	TRAN VAN KY	P4	58-59	2	15		65	YTE	Vietnamese
16	VU MANH HA	P4	64	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN PHONG	P4					73	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DUY THAI	P4					75	KH-THAC	Vietnamese
19	VU BAO AN	P4	60	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HOANG VINH	P4	65	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
21	LUONG HUU HAU	P4	61-62	2	15		85	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM THAI SON	P4	63	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	14	14	102	932	74	13		
2	P4	8	8	53	573	0	9		
TOTAL		22	22	155	1.505	74	22		
WEIGHT KG				155	1.505	74			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/01/2018	TO: AMD	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: HUNG - Hoi - HIÊU	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GRAHAM SLAPP	AMD	65	1	14	50	85	KH-THAC	Australian
2	PHAM VU THANG	AMD	62	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
3	K' LOC	AMD	63	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN THANH	AMD	55	1	2		64	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN SANH	AMD	56	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG VAN THE	AMD	66-67	2	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGO VAN SAU	AMD	57	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
8	THAI NGUYEN HAI VI	AMD	58	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN QUANG LONG	AMD	51-52	2	7		75	KH-THAC	Vietnamese
10	DUONG VAN ĐÔNG	AMD	71	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DOAN DUAN	AMD	64	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN NGOC THU	AMD	50	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRUONG ĐUC HUNG	AMD	76	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TIEN THANH	AMD	60-61	2	14		71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN ANH DUNG	AMD	59	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
16	THAI BA HUNG	AMD	49	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DINH SONG	AMD	77	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TAN DAT	AMD	72	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN NHU BAO CHUONG	AMD	53	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TRUNG HIEU	AMD	70	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN CONG THANH	AMD	68-69	2	8		69	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN MANH HA	AMD	54	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	22	26	136	1.508	50	22		
	TOTAL	22	26	136	1.508	50	22		
	WEIGHT KG			136	1.508	50			

GRAND TOAL: 1.694 KGS

VSP REP.
[Signature]

VNH REP.
[Signature]

CAPTAIN
[Signature]



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/01/2018	TO: MRM - RP1	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: LBình - TTrung - Năm - DTùng	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VANEEV DIMITRII	MRM	36	1	5		102	KHOAN	Russian
2	ZAKHAROV FEDOR	MRM	30	1	5		128	KHOAN	Russian
3	KUMBA LULENGO	MRM	34	1	10		85	KHOAN	Russian
4	LYAKHNOVICH LEONID	MRM	37	1	6		78	KHOAN	Russian
5	VALEEV SERGEY	MRM	73-74	2	13		77	KHOAN	Russian
6	FILATOV SERGEY	MRM	40	1	7		103	KHOAN	Russian
7	KADATOV MIKHAIL	MRM	32	1	1		67	KHOAN	Russian
8	NIKOLAENKO VADIM	MRM	38	1	8		112	KHOAN	Russian
9	CHISTYAKOV DMITRY	MRM	33	1	7		135	KHOAN	Russian
10	ILMENTEV ANDREI	MRM	35	1	12		57	KHOAN	Russian
11	SAPRYKIN VLADIMIR	MRM					122	KHOAN	Russian
12	KOCHEROV VALERII	MRM	31	1	8		88	KHOAN	Russian
13	ALEKSANDROV SERGEI	MRM	39	1	9		82	KHOAN	Russian
14	ROIK NIKOLAI	MRM	75	1	9		77	KHOAN	Russian
15	UZINTSEV PAVEL	MRM	41-42	2	10		80	KHOAN	Russian
16	ALEKSEEV BORIS	MRM	45-46	2	11		95	KHOAN	Russian
17	BORIDKO VITALII	MRM	47	1	7		102	KHOAN	Russian
18	KOVALENKO ARTUR	MRM	43-44	2	10		75	KHOAN	Russian
19	NGO THAI HA	RP1	60	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	18	21	138	1.665	0	19		
2	RP1	1	1	7	56	0	2		
TOTAL		19	22	145	1.721	0	21		
WEIGHT KG				145	1.721	0			

GRAND TOAL: 1.866 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/01/2018	TO: P1 - BK5 - TD3	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:55
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - L Hải - dũng -	ETA: 11:35
NAU-2		THẢO	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU NGHĨA	P1	51	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐƯƠNG DUY KHƯƠNG	P1	53	1	15		80	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN HUYỀN	P1	50	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM ĐỨC BỒN	P1	54	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN NGỌC VĂN	P1	52	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC BIỂU	P1	60	1	10		67	CODIEN	Vietnamese
7	LE NGỌC AN	BK5	28-29	2	7		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC HOÀN	BK5	30	1	5	5	65	KH-THAC	Vietnamese
9	LE NGỌC THĂNG	BK5	31-32	2	15	55	85	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG TRUNG HẬU	BK5	33	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN HỒNG SƠN	BK5	34-35	2	15		67	T-TIN	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC QUANG	BK5	26	1	7		98	PSV	Vietnamese
13	ĐẠO MINH ĐỨC	BK5	27	1	3		67	PSV	Vietnamese
14	DEMINTU.A	TD3	64	1	10		109	KHOAN	Russian
15	NGO THUẬN THANH	TD3	65-66	2	12	5	76	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ HỮU KÊ	TD3	72-73	2	14		78	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN TẤT HOA	TD3	71	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN THUAN	TD3	70	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN THANH SƠN	TD3	74	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐÔNG XUÂN CHIẾN	TD3	68-69	2	9	20	62	PSV	Vietnamese
21	KHUC THAI HOA	TD3	76-77	2	15	10	66	NHATHAU	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH HUNG	TD3	75	1	10		85	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	6	6	55	405	0	4		
2	BK5	7	10	57	524	60	5		
3	TD3	9	13	89	692	35	13		
TOTAL		22	29	201	1.621	90	22		
WEIGHT KG				201	1.621	90			

GRAND TOAL: 1.912 KGS + 51kg

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/01/2018	TO: TD1 - CLO	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - Linh - MQUÂN	ETA: 11:30
TIM2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM QUANG TRUNG	TD1	66	1	12		85	DVL	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN THAI	TD1	69	1	15		68	DVL	Vietnamese
3	TRẦN CÔNG CHIẾN	TD1	72	1	10		76	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC SƠN	TD1	71	1	16		72	DVL	Vietnamese
5	DUƠNG THẾ ĐỨC	TD1	68	1	9		72	DVL	Vietnamese
6	MAI THANH NAM	TD1	65	1	8		65	DVL	Vietnamese
7	LƯƠNG MẠNH HAI	TD1	67	1	15		70	DVL	Vietnamese
8	LÊ VĂN UẠN	TD1	62	1	9		58	PSV	Vietnamese
9	HOANG MINH PHONG	TD1	64	1	3		68	PSV	Vietnamese
10	HOANG VĂN BAY	TD1	63	1	2		60	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH CÔNG	TD1	70	1	3		70	DSONG	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC TUẤN	CLO	63-64	2	13		72	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN SANH TRƯỜNG	CLO	70-71	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
14	MAI TỬ HAI	CLO	62	1	7		68	PSV	Vietnamese
15	LÊ MINH MINH	CLO	60	1	5		68	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN DUY ĐÔNG	CLO	67	1	4		70	PSV	Vietnamese
17	VŨ MẠNH HƯƠNG	CLO	59	1	4		58	PSV	Vietnamese
18	LẠI ĐÌNH HAI	CLO	65	1	5		85	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TUẤN	CLO	68	1	2		72	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TÙNG	CLO	69	1	3		66	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH HẬU	CLO	66	1	5		75	PSV	Vietnamese
22	HOANG SY THẬP	CLO	61	1	5		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	11	11	102	764	0	10		
2	CLO	11	13	70	774	0	12		
TOTAL		22	24	172	1.538	0	22		
WEIGHT KG				172	1.538	0			

GRAND TOAL: 1.710 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/01/2018	TO: P5 - P4	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Nam - TRƯỜNG - THỤ	ETA: 13:10
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN BAC	P5					72	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN QUANG PHUC	P5	38	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM TU ANH	P5	34-35	2	9		65	KH-THAC	Vietnamese
4	MAI VAN BA	P5	36	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN MACH	P5	32	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
6	LE DUC THANH	P5	329	1	5	50	70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN KHAI	P5	330	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN LE TUNG	P5	27	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
9	VU QUANG HUNG	P5	37	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN BA THANH	P5	33	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN HUY DINH	P5	24,29	2	12		56	T-TIN	Vietnamese
12	LE VAN LOI	P5	25-26	2	14		52	T-TIN	Vietnamese
13	TU VAN SON	P5	31	1	5		82	PSV	Vietnamese
14	DAO VAN THANG	P5	28	1	6		53	PSV	Vietnamese
15	PHAM VAN HOANG	P4	02	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI MINH TUAN	P4	04	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	VU THANG	P4	07	1	10		100	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN NGOC TUAN	P4	05	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN NHAN HAI	P4	06	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN KHANH	P4	03	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM KHAC DOAN	P4					62	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VU HONG HA	P4	01	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	14	16	93	926	50	13		
2	P4	8	7	48	574	0	9		
TOTAL		22	23	141	1.500	50	22		
WEIGHT KG				141	1.500	50			

GRAND TOAL: 1.691 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/01/2018	TO: P4 - TD1	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:35
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: Hôi - HUNG - HIẾU	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN KHOAI	P4	45	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	69	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ DUY TRUNG	P4	49	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	KHUÔNG VĂN THAO	P4	68	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO SY KHOA	P4	44	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
6	HA TÂN DŨNG	P4	46	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI QUANG SƠN	P4	48	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ MẠNH DŨNG	P4	47	1	4		53	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ HỒNG TRUNG	P4	43	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC TUYẾN	P4	67	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN HỒNG DƯƠNG	P4	70	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI HUU LAN	P4	41	1	5		71	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN THUY HAI	P4	73	1	5		73	KHI	Vietnamese
14	TRẦN BÌNH THUẬN	P4	66	1	6		69	ANTOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NGHĨA	P4	42	1	9	14	62	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM NHƯ SANG	P4	40	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
17	TRIỆU MINH HỒNG	TD1	73	1	2		66	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN THUẬT	TD1	77	1	9		76	PSV	Vietnamese
19	ĐẬU ĐỨC HÙNG	TD1	75	1	3		69	PSV	Vietnamese
20	ĐẬU VIỆT BẮC	TD1	76	1	2		75	PSV	Vietnamese
21	ĐẠO XUÂN THANH	TD1	74	1	4		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	16	16	84	1.091	14	13		
2	TD1	5	5	20	352	0	7		
TOTAL		21	21	104	1.443	14	20		
WEIGHT KG				104	1.443	14			

GRAND TOAL: 1.561 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/01/2018	TO: TD2 - AMD	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:40
FLIGHT: 13	FROM: VT	CREW: LBình - DUONG - Năm -	ETA: 13:20
VANG-3		Trưởng	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TUẤN ANH	TD2	37-38	2	12		72	CODIEN	Vietnamese
2	VU ĐÌNH NAM	TD2	65-32	2	12		57	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN HỒNG QUÂN	TD2	34-35	2	17		72	CODIEN	Vietnamese
4	LÊ BÀ TU	TD2	43	1	5		65	CODIEN	Vietnamese
5	CAO ĐẮC DÂN	TD2	39-40	2	18		65	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN HÙNG	TD2	41	1	10		62	CODIEN	Vietnamese
7	PHẠM THANH HẢI	TD2	44	1	5		63	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HOANG	TD2	36	1	10		78	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN TRUNG HIỆU	TD2	45	1	5		76	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN HOÀNG ANH	TD2	46	1	7		65	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN QUÂN	TD2	42	1	6		71	CODIEN	Vietnamese
12	ĐOÀN MINH TUẤN	TD2	33	1	15		67	CODIEN	Vietnamese
13	TRẦN ANH ĐỨC	TD2					65	GETRACO	Vietnamese
14	ĐẬU VĂN XUÂN	TD2	64	1	3		60	GETRACO	Vietnamese
15	TRẦN VĂN THANH	TD2	63	1	5		75	GETRACO	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG	AMD	82	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN CÔNG DUNG	AMD	90	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
18	HÀ VĂN THUY	AMD	81	1	2		74	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRƯƠNG THO	AMD	83-84	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
20	BRANDON DEAN ROBINSON	AMD	79-80	2	12		115	KH-THAC	British
21	DUONG MINH PHU	AMD	87-88	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN MINH TRI	AMD	85-86	2	15		61	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	15	18	130	1.013	0	9		
2	AMD	7	11	72	519	0	9		
TOTAL		22	29	202	1.532	0	18		
WEIGHT KG				202	1.532	0			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/01/2018	TO: P7	AIRCRAFT: 424	ETD: 11:55
FLIGHT: 14	FROM: VT	CREW: Lhài - MTHẮNG - THẢO	ETA: 13:35
HONG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG NGOC TUNG	P7	65-66	2	10		64	KH-THAC	Vietnamese
2	LUONG ANH TUAN	P7	60	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	VU VAN HOAN	P7	57	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM HOANG CHUONG	P7	67	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HUU HUNG	P7	64	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN VAN LOI	P7	59	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI TRONG AN	P7	74	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
8	TRUONG VAN QUANG	P7	56	1	2		83	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN THIEN	P7	62-63	2	5		80	KH-THAC	Vietnamese
10	VU TRUNG KIEN	P7	70	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
11	DUONG CONG DANG	P7	58	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN HONG HAI	P7	52	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN SOAI	P7	55	1	5	160	75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN QUOC TUAN	P7	53-54	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN VAN CHUONG	P7	68	1	10		50	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRONG BANG	P7	51	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
17	LE ANH TUAN	P7	71	1	11		60	CODIEN	Vietnamese
18	LE THANH HIEU	P7	72	1	8		65	CODIEN	Vietnamese
19	TRAN VAN HUY	P7	73	1	5		58	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN DUC	P7					73	PSV	Vietnamese
21	BUI DAC CANH	P7	69	1	5		63	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN XUAN HANH	P7	61	1	12		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	22	24	147	1.480	160	12		
	TOTAL	22	24	147	1.480	160	12		
	WEIGHT KG			147	1.480	160			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10-Jan-18	TO: TTC2 - P2	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:50
FLIGHT: 15	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTHAO - MQUÂN	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GLYBOVSKI	TTC2	75	1	9		87	KH-THAC	Russian
2	TRẦN VĂN CHANH	TTC2	72	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
3	VU ĐÌNH LỢI	TTC2	73	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG ĐỨC THUẬN	TTC2	70	1	17	22	79	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN CHÍ HIẾU	TTC2	77,79	2	12	50	80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUÝ TÀI	TTC2	78	1	10		59	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐOÀN NGỌC THƯƠNG	TTC2	81	1	15		73	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM XUÂN KHOA	TTC2	76	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ NGỌC BÉN	TTC2	82	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH TRUNG	TTC2	80	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
11	DINH VAN LUU	TTC2	74	1	8		50	PSV	Vietnamese
12	BUI THỌ ĐUNG	P2					60	KH-THAC	Vietnamese
13	LE ĐÌNH HUÂN	P2	75	1	5	30	50	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU HÀ	P2	80	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN QUYÊN	P2	77-78	2	9		75	KH-THAC	Vietnamese
16	HUYNH PHÚC AM	P2	82-83	2	16		65	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐOÀN KHÁC CÁN	P2	85	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM SY HIỆP	P2	84	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN SÁCH ĐƠN	P2	79	1	18		65	KH-THAC	Vietnamese
20	TA NGỌC THANH	P2	76	1	16		76	KH-THAC	Vietnamese
21	FIRSOV	P2	86-87	2	10		98	ANTOAN	Russian
22	TRẦN NGỌC QUANG	P2	81	1	3		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	11	12	111	763	72	2		
2	P2	11	13	99	730	30	17		
TOTAL		22	25	210	1.493	102	19		
WEIGHT KG				210	1.493	102			

GRAND TOAL: 1.805 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN